Số 13 16 Avril 1943

ĐẠI VIỆT
TẠP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général N° 500-N du 17 Juillet 1942)

Giám-đốc : **HỒ-VĂN TRUNG** ✱

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N°A 2118-3

MỤC LỤC

Tâm học (tiếp theo). . . . . . TRÚC-HÀ
Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh vào lúc nào ? . . . ĐÀO-DUY ANH
Gốc tích người Việt-Nam. . . . . . LÊ-CHÍ-THIỆP
Tam giáo lược khảo (tiếp theo). . . . . . QUANG-PHONG
Diễn giả và Văn-sĩ II. . . . . . NGUYỄN-VĂN-XUÂN
« Rương vàng của con tôi » (tiếp theo). . TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG
Ái-tình Miếu (tiểu-thuyết) . . . . . HỒ BIỂU-CHÁNH

R.F.

Báo quán : 5, rue de Reims, Saigon — Giá mỗi số 0 $ 40

https://tieulun.hopto.org
Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

https://tieulun.hopto.org

TÂM-HỌC

(Tiếp theo)

trên đả nói cái phát biện cũa tâm gọi là tánh. Mà tâm chứa sẳn điều thiện, thì tánh cố-nhiên phải thiện Do lẻ đó Mạnh-Tữ chủ-trương thuyết tính thiện.

Nhiều học-giã đồng thời với Mạnh-Tữ phãn đối thuyết đó. Người thì cho tánh người không thiện, không ác, hoặc có thể thiện, có thể ác, hoặc không thiện mà không bất thiện. Sau Mạnh-Tữ, Tuân-Tữ, người đả phân giải tinh tế tánh chất của cái tâm, chủ trương thuyết tánh ác.

Sở dĩ có chổ tranh biện đó là vì các nhà học giã ấy không hiểu chữ tánh theo một nghĩa giống nhau. Thế thường người ta dùng chữ tánh để chĩ những nết tốt hoặc xấu của con người. Thí dụ một đứa trẽ hay lấy sự đánh hoặc giết những con vật nhỏ làm trò chơi. Người bảo nó có tánh ác. Hoặc một đứa trẽ biết thương kính mẹ cha. Người bảo nó có tính thiện. Rồi dựa theo đó người ta khái luận tánh người hoặc thiện hoặc ác, hoặc có thể thiện, có thể ác.

Mạnh-Tử dùng chữ tánh với cái nghĩa khác hẳn. Tánh nầy gần giống với tâm. Nhưng tâm thì vô-hình, nếu không bị xúc-động, vẫn hư-không, tả khó mà biết được. Đến lúc nó phát hiện ra, khi là lòng trắc ẩn, nếu người ta trông thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, khi là lòng tu-ố, nếu phải làm một việc đê tiện xấu xa, khi là lòng cung kính, nếu đứng trước một bực nhân-từ đạo-đức, khi là lòng thị phi, nếu gặp một việc cần phải biện biệt cho rỏ lẽ ngay gian, bây giờ ta mới trông thấy từng cái trạng thái của nó. Mỗi một trạng thái phát biện ra đó là một cái tánh. Cho nên tánh đồng thể với tâm. Mà tâm là một phần tữ của Trời phú cho người, vậy thì tánh, tâm với Trời là một. Nên Mạnh-Tử mới nói : « *Biết rõ cái tâm là biết cái tánh vậy. Biết cái tánh là biết Trời vậy.* » (Tri kỳ tâm giả, tri kỳ tính giã. Tri kỳ tính tắc thiên hỷ).

Có người bác rằng nếu tánh bản-nhiên là thiện thì sao người đời vẫn có thể làm ác ?

Về câu hỏi nầy sự trả lời không khó. Ở đoạn sau đây, Mạnh-Tữ cho rằng ngoại-vật và hoàn cảnh làm sai-lạc bãn-tâm

https://tieulun.hopto.org

cũa người ta : «*Người ta ai cũng có lòng trắc ẩn, ai cũng có lòng tu-ố, ai cũng có lòng cung kính, ai cũng có lòng thị-phi. Lòng trắc-ẩn là nhân, lòng tụ ố là nghĩa, lòng cung kính là lễ, lòng thị phi là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí, không phải là, ở ngoài mà đúc nên đâu, ta vốn có sẵn cả, chỉ vì không nghĩ đến mà thôi. Cho nên nói rằng :* « Tìm thì thấy, bỏ thì mất. » *Có người hay hơn hoặc dở hơn gấp hai, gấp năm, gấp số không kể được, đều là vì không biết dùng hết cái bản năng của mình vậy. Năm được mùa thì con em làm điều bậy. Đó không phải Trời phú cho cái bản năng khác nhau như thế, chỉ tại ta để cái tâm của ta hãm đắm vào vật dục, cho nên mới hóa ra thế. Xem như gieo hột lúa xuống đất rồi bón xới vào. Hột lúa cùng ở một chỗ, cùng gieo một lúc, mọc lên ngùn ngụt, đến ngày hạ chí, đông chí, đều chín cả. Nếu có hột xấu là tại màu đất, mưa móc và công việc người ta làm không đều ». (Nho-giáo quyển II, trương 39-40).*

Đến đời Tống, nhà đạo học Trương Hoành Cừ cũng theo thuyết tánh thiện và nói rằng: « *Tánh người ta không có không thiện* ». (Tính tự nhơn vô bất thiện) Muốn giải rõ nguyên nhân cũa tánh ác, ông phân tánh người ra hai hạng : một là *tánh trời đất* (thiên địa chi tính), hai là *tánh khí chất* (khí chất chi tính). Tánh trời đất là những tánh mà người ta bẩm thụ được cũa Trời nên bao giờ cũng thiện.

Đó là những tánh phát hiện ở con tâm mà Mạnh *Tử* đã nói Tánh khí chất là những tính do khí chất sanh ra, nên bao giờ cũng ác. Chử khí chất ở đây đồng nghĩa với chử vật chất mà ta dùng hiện thời. Nói riêng về con người, khí chất chỉ phần xác thịt. Cho nên tánh khí chất là thử tính do những sự nhu cầu về xác-thịt gây nên.

Sự phân-biệt cũa Trương-Hoành-Cừ không phải không căn-cứ. Nếu bình-tỉnh nhìn trở vào trong bản-tâm, chúng ta sẻ công nhận rằng chúng ta vẫn có lòng khao khát, khâm-phục cái gì thanh cao, tốt đẹp. Nhưng đến khi hành-động, nhiều khi chúng ta có thể làm những việc mà chúng ta rán kiếm cớ bình-vực cho nó là phải, song tự mình không thể lấy làm thoả-thích như lúc đả làm được một điều hay, Chúng ta tỏ ra thật công bình, chánh đáng, chỉ khi nào phán-đoán một người hay một việc không dính dấp với mình. Đến khi quyền lợi mình bị thiệt hại, lòng tư dục thường khiến chúng ta bước ra ngoài lẽ phải, Như vậy thì lòng công chính và lòng tư dục, ta cùng có. Nhưng hai thứ lòng nầy không phải hòa hợp với nhau được. Luôn luôn cái

https://tieulun.hopto.org

ix hại cơ còng. Ta sở dĩ có cái hư là vì có bổn thân. Bổn thân cần sự ngồi dưỡng và được thoả-mản những điều nhu cầu riêng của nó.

Nhưng khi ta phục dịch nó quá độ trung bình tất là ta bắt đầu ra khỏi lẻ phải. Lại nữa, thân thể con người không giống nhau hết thảy. Thân người cũng như một bộ máy. Máy có thứ tốt thứ xấu, thân người có thứ thanh thứ thô. Những thân thanh dễ để cho con tâm xữ dụng, vì vậy, hạng người có bẩn thân này dễ khuynh-hướng về cái gì cao thượng, siêu việt. Những thân thô, trái lại, đòi hỏi những nhu cầu khẩn thiết khiến chủ-nhân của nó chỉ lo phục sự nó mà hết đời.

Còn như tâm người, nguyên là một phần tử của Lý, đồng thể với Lý, nên củng đồng thể với các con tâm khác ; bởi vậy tâm thì công chớ không tư. Vì lẻ ấy cái nghĩ của con tâm của những bực đại hiền triết cổ-kim đông tây thường bao quát cả toàn thể vũ trụ chớ không hạn chế trong phạm vi cá nhơn và những tư tưởng, tình cãm của họ bao giờ củng giống nhau ở chỗ đại khái.

Nên người Tây có câu : « *Những bực đại tri thường hợp với nhau.* » (Les grands esprits se rencrontrent). Và Lục Tượng-Sơn, một nhà tâm-học đại danh đời Tống có nói rằng : « *Đông hãi có thánh-nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Tây hãi có thánh nhơn xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy, Nam hãi, bắc hải, có thánh nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Nghìn trăm đời về trước có thánh nhán xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy. Nghìn trăm đời về sau có thánh nhân xuất hiện ra, tâm ấy đồng vậy, lý ấy đồng vậy* ». (Nho-giáo quyển III, trương 259).

Tóm lại, các bực đại-nho chủ trương thuyết tánh thiện là vì họ coi tánh chẳng qua là bản-sắc của tâm. Tâm thiện, nên tánh thiện. Cả cái công phu học vấn là làm thế nào giữ cho cái tâm còn nguyên vẹn bổn-sắc của nó. Tuy nhiên mỗi người giải một cách.

Mạnh-Tử tưởng tượng con tâm của những người chìm đắm trong vòng vật dục củng như con chim sổ lồng. Ông gọi tâm ấy là *phóng tâm* nghĩa là cái tâm đã sổ ra. Tâm đả sổ thì phải bắt giữ lại. Nên ông nói : « *Đạo học vấn không có gì khác, chỉ tìm cái tâm đả sổ ra mà thôi.* » (Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỷ) *Và « quân tử sở dĩ khác người chỉ ở sự giử cái tâm cho còn mà thôi.* » (Quân-tử sở dĩ dị ư nhơn giả, dĩ kỳ tồn tâm giả).

https://tieulun.hopto.org

Vương Dương Minh tưởng tượng tâm cũng như tấm gương sáng. Những người đã mất tâm chẳng khác gì để cho tấm gương bị bụi bậm che lấp. Sự học đối với con người là sự lau chùi đối với tấm gương. Bởi vậy ông nói : « *Sự học của người quân tử là làm cho sáng cái tâm: Cái tâm vốn không tối chỉ vì cái tư dục che đi, cái tập tục làm hại, cho nên hễ bỏ được cái che và cái hại, thì tâm lại sáng, chớ không phải là được ở ngoài cái tâm vậy* ». Văn-Lục Nho giáo quyển III, trương 363).

Nhưng dầu tưởng tượng cách nào, hoặc là không tưởng tượng gì cả, các bực nho-gia kia đều lấy sự tồn-tâm, dưỡng tâm làm chủ-đích của sự học. Cái học nầy có thể gọi là tâm-học.

Hiện thời, về tâm học, chúng ta ít hiểu và ít chịu để ý. Chúng ta thường có thành kiến cho những người ưa nói đến chữ tâm là những người duy tâm, mà những người duy tâm thì hay bàn những vấn đề bông lông, không chứng nghiệm được ; không bằng những nhà duy vật, phàm các lý thuyết duy vật đều dựng trên khoa học, căn cứ ở thiệt tế. Phải có tinh thần khoa học là hay, nhưng đeo theo một chút thành kiến là dở.

Đối với khoa tâm-lý học, không ai cải chối được rằng nó không phải là một khoa-học. Nhưng nhà tâm-lý học không tránh khỏi dùng sự tự tỉnh (introspection) để mà nghiên cứu. Nhà tâm-học cũng dùng cách ấy. Chỗ khác là một đằng nghiên cứu một cách khách-quan (objectivement), một đằng nghiên cứu một cách chủ-quan (subjectivement).

Nhà tâm lý theo phương pháp chủ quan (méthode subjective) khảo sát một cách khách quan, từng hiện tượng tâm-lý (phénomène psychologique) hoặc về mặt tình cảm, hoặc về mặt trí thức, mặt hành động để mà hiểu trọn cả nội tâm sanh hoạt (vie intérieure) của con người. Loài người có nhiều hạng, nên tâm lý có nhiều thứ. Có tâm lý của trẻ con, của thanh-niên, của bực trưởng thành, của hạng lảo đại, của đàn bà, của đàn ông, của cá nhơn, của quần chúng, của dân tộc nầy, dân tộc kia. Nhà tâm lý còn khảo sát tâm lý riêng của từng hạng người để biết rõ các chỗ tương dị.

Động lực khiến nhà tâm lý làm việc là cái trí, vì trí muốn hiểu biết mà các sự tìm kiếm về khoa học đều là để thỏa mãn sự hiểu biết trước hết.

Nhà tâm học không thế. Động lực của họ là con tâm. Song giữa mọi người trong một xả-hội, chịu chung một hoàn cảnh vật chất và tinh thần, đáng lẽ họ cũng bằng lòng nhận lấy cái

https://tieulun.hopto.org

đời thông thường như mọi người. Trái lại, họ có những khát vọng riêng biệt khiến cho lòng họ băn khoăn, vơ vẩn. Nhơn thế, họ tìm cách làm cho yên ổn tâm trạng đó. Họ tìm khi thì ở ngoài bản thân, khi thì ở trong. Chừng họ hiểu các mối bất mãn cao xa của họ nguyên do chỉ bởi «*sự nổi dậy của con tâm*», bấy giờ họ mới đemicon tâm làm đối tượng (objet) để khảo sát.

Đến đây, công việc khảo sát của họ cũng như của nhà tâm lý. Nhưng thay vì bằng lòng xem xét những hiện tượng những tánh chất của con tâm, họ còn đi xa hơn nhà tâm lý một bước. Khi đã nhận thấy được bản sắc của con tâm, họ lại muốn biết do đâu phát sanh ra bản sắc ấy. Một bước hơn đó đưa họ qua địa hạt huyền học (métaphysique). Họ giải rằng bổn sắc đặc biệt của con tâm bẩm thụ ở cái Lý độc nhất của vủ trụ. Rồi họ trở lại địa hạt tâm lý mà chứng minh rằng bất kỳ ai cũng có tâm ấy, bất kỳ tâm của ai cũng có bổn sắc ấy.

Thánh-hiền sở-dĩ khác thường-nhơn là vì một đằng biết trở lại với tâm minh và trau-dồi cho bổn sắc của nó thêm sáng sủa, còn một đằng thì cách biệt với con tâm khiến nó bị vùi lấp dưới những lớp vật dục xấu xa. Ấy, nhà tâm học thì tìm đến chỗ tương đồng chớ không phải chỗ tương-dị giữa loài người, mở cho họ một con đường hoà hợp để họ có thể niều nhau, yêu nhau và cùng đi lên cõi đạo đức.

Sự gây dựng của nền tâm-học tuy có dựa trên một chút huyền-học mà ta không thể thí nghiệm theo phương pháp khoa-học, nhưng nó vẫn không trái với lý-luận. Về mặt tâm-lý, nó gỡ sạch các mối băn khoăn của hạng người cao-đẳng thường khao khát cái vô-cùng (l'infini) và những lý-tưởng cao xa. Về mặt đạo-đức, ảnh hưởng của nó rất to tát. Nhà tâm-học khi đã trở lại được với tâm minh tức là một nhơn vật kỳ-đặc (original) và độc lập có thể làm hay cho xã-hội chớ không khuấy rối bao giờ. Họ sống với đoàn thể nhơn-loại vì đối với họ ai thì « *củng nhơn-tâm ấy, há thiện-lý nào* », chớ không chia nhơn-loại ra từng giai-cấp, rồi đứng ỡ giai-cấp nầy mà chống với giai-cấp kia. Họ cố gắng phát triển cá-tính của họ, nhưng cá-tính càng phát triển bao nhiêu, tình nhơn-ái càng đậm đà bấy nhiêu. Họ giàu tình-cảm nhưng vẫn dùng lý-trí. Người đời khỏi so họ đem cái trí mà hại cái tình, hoặc quá chìu cái tình đến bỏ cái trí.

Chúng ta đương sống trong thời-đại cạnh-tranh, từ sự học hỏi đến sự làm việc lúc nào củng phải vội vã chụp giựt cho kịp người, kẻo bị thua thiệt. Chúng ta ít có thì giờ nhàn hạ để

https://tieulun.hopto.org

tự tĩnh hầu nhận chân được bổn ngã của mình. Chúng ta ch biết vui mừng khi đắc thắng và buồn bã lúc thất bại mà thôi, Cái vui- buồn ấy hoàn-toàn do ngoại vật gây nên. Nhưng ngoài những khi vui buồn bất-thường kia, có những lúc chúng ta chán nản, vị bột niên cảm thấy đời người rất là vô-vị, con người hoạt động, quay cuồng một lúc, rốt cuộc không biết để làm gì. Đời sống đối với chúng ta, hình như không đáng sống. Sự khủng hoảng về tinh thần trong chốc lát đó có phải nguyên do là vì chúng ta tự thấy cách biệt lẫn với vũ trụ, khiến ta không sống được cái sống bao la vô hạn của vũ trụ hay không ? Có lẽ vì chúng ta thiếu cái tâm học hỏa ra thiếu tấm lòng nhân nên không cảm thấy cái sanh thú lai, láng ở đời chăng ?

TRÚC-HÀ

Chúng ta thôi đừng chia rẻ nhau về những tư-tưởng mờ hồ, để hiệp sức nhau dùng những phương thế hằng ngày mà phụng sự Quốc-gia.

Thượng-tướng PÉTAIN

PÉTAIN CÁCH NGÔN

Á-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

Soạn-giả : ĐẶNG-THÚC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông chiếu đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

dày 120 trương, Giá : Giấy thường 1 $ 50 ; Giấy tốt 3 00

Mua sỉ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương lượng với : **HỒ-VĂN KỲ-TRÂN**

Quản lý Nhà xuất bản « ĐẠI VIỆT

5, Rue de Reims — SAIGON

https://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-DU

VIẾT ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH VÀO LÚC NÀO?

ẤY lâu tôi cũng theo ý kiến sẵn của phần đông người và bằng vào sách *Đại Nam liệt truyện* mà cho rằng Nguyễn Du được đọc sách *Kim Vân Kiều truyện* trong khi đi sứ sang Trung-quốc và sau khi trở về mới viết sách *Đoạn trường tân thanh*. Sách *Đại nam liệt truyện chính biên sơ tập* (quyển 20, tờ 9b), ở mục Nguyễn-Du, chép rằng : « ông giỏi quốc âm. Đi sứ Tàu về thì có *Bắc hành thi tập* và *Thúy-Kiều truyện* hành thế ».

Nhưng trong khi viết sách «*Khảo - luận về Kim-Vân-Kiều* (đang in), tôi đã sinh mối hoài nghi mà nói rằng điều ấy chỉ là do chúng ta ức đoán chớ tuyệt không có chứng cớ gì ngoài câu văn tắt chép ở *Liệt-truyện*, tỏ chắc chắn rằng Nguyễn - Du làm *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ trở về. Kịp đến tháng trước, nhân nghiên cứu về sách *Hoa tiên ký* của Nguyễn-Huy-Trị do Nguyễn-Thiện nhuận sắc, tôi nhận thấy nhiều chứng cớ tỏ rằng Nguyễn-Thiện đã mô phỏng văn của Nguyễn-Du mà sửa lại văn của Nguyễn-huy-Trị ; nhơn đó phải xét xem Nguyễn-Du viết *Đoạn trường tân thanh* vào lúc nào, thì tôi lại càng thêm mối ngờ với điều ức đoán trên kia.

Nay tôi xin bày tỏ những lẽ khiến tôi ngờ để chất chính cùng các nhà thức giả. 1° Sách *Liệt truyện* nói rằng Nguyễn-Du đi sứ về thì có *Thúy-Kiều truyện* hành thế. Nhưng sách *Liệt truyện sơ tập* soạn ở đời Tự-đức, sau năm Tự-đức thứ 5, tức là sau khi Nguyễn-Du mất đến 30 năm, cũng có thể chép sai được (*Thực lục* cũng còn có chỗ chép sai, huống là *Liệt truyện*). Chữ *Thúy-Kiều truyện* (tên gọi tục) và chữ *Bắc hành thi tập* các ngài dùng đó, tỏ rằng các ngài chỉ bằng vào khẩu truyền nên mới chép những tên sách gọi tục ấy, chớ không chép tên chính là *Đoạn trường tân thanh* và *Bắc hành tạp lục*. Như thế thì sách *Liệt truyện* tuy là quốc sử cũng không đủ cho ta tin.

https://tieulun.hopto.org

2· — Ta có thể bằng vào *gia-phả* được không ? Gia-phả cũng là do người đời sau chép, cho nên lòng tin cũa ta đối với quyển gia phả cũng nên có giới hạn. Ví dụ gia phả họ Nguyễn Tiên-điền y án sách *Lê-Quí Kỹ-sự* cho Nguyễn-Du, vì người chép gia phả lộn tên tác-giả sách ấy là Nguyễn-Thu, một sứ-thần ở triều Tự-đức cũng có đi sứ Tàu, với tên Nguyễn-Du, đó là chứng cớ khiến ta không nên quá tin gia phả. Dầu thế, gia phả chỉ nói rằng khi đi sứ về, Nguyễn-Du có *Bắc hành tạp lục thi tập*, còn *Đoạn-trường tân-thanh* thì gia phả kê vào với các tác phẩm khác mà không nói làm vào năm nào. Liệt-truyện và gia phả chép không giống nhau, đó lại là một điều làm vững mối ngờ cũa ta vậy.

3· — Mối ngờ chưa giải thì lại nhờ ông Hoa-Bằng mà biết được bài tựa sách *Kim-Vân-Kiều án* của Nguyễn văn Thắng (1). Tác giả sách ấy đậu Cữ nhân, khi 23 tuổi, năm 1825, sau khi Nguyễn-Du mất 5 năm. Ta có thể xem ông là một người đồng thời với tác giả *Đoạn trường tân thanh được*, cho nên những lời của ông về sách cũa Nguyễn Du rất có thể đáng tin. Ông được đọc sách cũa Nguyễn Du lúc bị hạ ngục, « mùa đông năm Canh dần » (cuối năm 1830), rồi sau đó đem ra làm án các nhân vật trong *Đoạn trường tân thanh*, đề là *Kim Vân Kiều án*.

Trong bài tựa tập án ấy, có câu : « Xưa nhà Ngủ-vân-lâu bên Tàu in bản thực lục đã lưu hành khắp chỗ, từ trước đến nay. Kịp đến quan Đông-các nước ta phụ diễn ra quốc âm» (theo Hoa-bằng dịch). Bản thực lục của nhà Ngủ-vân-lâu là bản gì nếu không phải chính là bản Kim-Vân-Kiều truyện của Thanh - Tâm Tài - nhân ? Hiện hai bản Kim Vân Kiều truyện chữ in tôi được thấy đều đề là *Quán hoa đường* và xưng là Thánh-thán ngoại-thư, nhưng không thấy tên nhà xuất bản, vì những tờ đầu sách đã rách mất cả. Dầu sao ta cũng chắc mười phần rằng bản thực lục mà Nguyễn-văn-Thắng nói đó là bản *Kim Vân Kiều* truyện chữ hẳn.

Xem thế thì sách ấy lưu hành trong nước ta đã rộng lắm rồi mà có lẽ bấy giờ đã có bản cũa người mình phiên khắc nữa. Nếu sách ấy mãi khi Nguyễn Du đi sứ mới đem về —năm 1189, cách khi Nguyễn văn Thắng được đọc Đoạn trường tân thanh có 16 năm — thì bản chưa có thể « lưu hành khắp chỗ, từ

(1) Xem bài « Nguyễn Văn Thắng » soạn giả « Kim Vân Kiều » án . . . ở Tri Tân số 85, ngày 4 Mars 1943, trang, 4,5.

https://tieulun.hopto.org

trước đến nay » được. Vậy lời tựa trên ấy khiến ta có thể ngờ rằng sách Kim Vân Kiều truyện đả có ở nước ta trước khi Nguyễn-Du đi sứ.

Vả trong lời tựa lại dùng danh hiệu « quan Đông-các » mà chỉ Nguyễn-Du, chớ không dùng chữ «Quan Tham-tri bộ Lễ » như trong bài Lệ-ngôn sách *Tân khắc Đoạn trường tân thanh* của Kiều-oánh Mậu ở đời Thành Thái. Chức Tham-tri bộ Lễ là chức của Nguyễn-Du lúc mất, người sau gọi như thế là phải cách. Tại sao Nguyễn-văn-Thắng lại gọi là « Quan Đông-các » dùng một chức quan nhỏ của Nguyễn-Du đả có từ năm 1805 đến năm 1809 là khi được bổ Cai-bộ tỉnh Quảng-bình ? Ông chỉ có thể dùng danh hiệu ấy, nếu bản *Đoạn trường tân thanh* ông được đọc (ông được đọc lần đầu là vào năm 1830, có ghi ở trên tên tác giả, mấy chử Đông-các học sĩ. Ví dụ : *Đông các học sĩ Nguyễn-Du soạn.* Nếu có mấy chử ấy thì ta có thể tưởng rằng, tưởng một cách có thể gọi là chắc chắn được, Nguyễn-Du viết sự tích Thúy-Kiều trong khi còn làm quan ở chức Đông-các, nghĩa là trước khi đi sứ Tàu !

Sách cũa Thanh-Tâm tài nhân lưu hành ở trong nước đả lâu, ông đả từng được đọc. Đến khi ông phải về làm quan với triều Nguyễn, tự mình lấy làm xấu hổ, mà uất ức vì nỗi không tỏ bày tâm sự cùng ai, bèn đem ký thác vào Đoạn trường tân thanh vậy.

∴

« Nguyễn-Du làm sách Đ. T. T. Th. » khi nào, đó có phải là một vấn đề quan hệ đến « quốc kế dân sanh » đâu mà phải dài lời bàn bạc ? Huống chi truyện Kiều và Nguyễn-Du xưa nay người ta bàn cãi đã nhiều rồi, bây giờ lại còn bàn đi cãi lại mải, « không khác chi là nhai bả mía, độc-giả lấy làm chán lắm ». Đó là lời khuyên của một độc-giả rất có thiện cảm của tôi ở Bến tre vừa mới gởi cho tôi sau khi biết rằng tôi sắp xuất bản quyển sách « Khảo luận về Kim-Vân-Kiều ».

Người bạn đọc ấy lại khuyên tôi bỏ sách ấy đi mà xuất bản *Việt-Nam Sử cương* đã, « vì độc giả cần sách học chớ không cần sách văn chương phù phiếm ». Khi tôi bắt đầu viết bài nầy thì đả sợ có người lại đem cái tội « nhai chữ » mà trách ; đương ngồi viết thì lại nhận được cái thơ trung cáo ấy bất ngờ bút đá phải trù trờ chốc lát. Nhưng dầu tôi cãm tạ lời trung cáo ấy và nhận là trong ấy có nhiều lẽ phải, tôi cũng cứ viết xong bài « nhai bả mía » nầy để công bố. Làm sao được bây

https://tieulun.hopto.org

giờ ? Làm việc phải tùy sức tùy tài, mà sức tôi, tài tôi. không những là không thể sáng tác về văn nghệ thuật, mà lại cũng không thể theo sự nhu cầu của độc giả mà viết được.

Tôi chỉ có thể viết theo sự nhu cần và theo sở năng cũa tôi thôi. Người ta bàn cải về « Kiều » đã nhiều, nhưng thật ra, người ta đả nói hết những điều cần nói chưa ? Chúng ta đả có thể tổng hợp những ý kiến cũa các nhà bàn về « Kiều » mà làm tài liệu chắc chắn đầy đũ cho văn học sữ nước ta chưa ? Tôi nghiên cứu văn học sử thấy, dẫu là vấn đề « Kiều » là vấn đề được thảo luận nhiều hơn hết, mà vẫn còn nhiều điều chưa thỏa mãn cho nên phải nghiên cứu thêm. Bởi thế tôi đả ra sách « Khảo luận về Kim Vân Kiều » mà mỗi khi tôi tìm được một ý kiến gì mới về sách ấy, tôi vẫn còn đem ra cộng bố. Đến như sách *Việt Nam Sữ cương* tôi vẫn biết là sách cần có— về sự học cũa ta ngày nay, sách nào cũng cần cả—nhưng dẫu là sữ cương cũng phải, nghiên cứu, cũng phải học nhiều, cho nên tuy đã bắt đầu làm, mà còn phải năm bảy năm nữa mới có sách được. Đã lạm dụng lòng nhẫn nại cũa độc giả mà trả lời gián tiếp cho ông bạn ở Bếntre, bây giờ tôi xin trở lại kết luận của bài nầy :

Nếu những đều suy đoán cũa tôi không phải là sai hẳn thì ta có thể biết thêm được ba điều :

Sách tiểu thuyết của Tau ở đời Lê mạt Nguyễn sơ đả lưu hành nhiều ở nước ta ;

Nguyễn-Du viết sách Đ. T. T. T. ngay sau khi về làm quan với triều Nguyễn ;

Thêm những chứng cớ khác lấy ở Hoa-tiên-ký, ta có thể nói chắc rằng Nguyễn-Thiện đã bắt chước văn Đoạn-trường tân thanh mà nhuận sắc sách Hoa tiên-ký, chớ không phải Nguyễn-Du bắt chước Nguyễn-Thiện.

Nhưng điều ấy tuy không lợi gì cho « quốc kế dân sanh » vì nó không phải là những vấn-đề chánh trị và kinh tế, nhưng về văn học sữ cũng không phải là những vấn-đề vô vị.

ĐÀO DUY ANH

Cãi chánh. — Ở trương 7, hàng 16 và 18, về tên tác-giả Hoatien ký, xin sữa lại là Nguyễn Huy-Tự.

https://tieulun.hopto.org

GỐC-TÍCH NGƯỜI VIỆT-NAM

I.— NHẮC LẠI

ẤY có cội, nước có nguồn. Một dân tộc, tất nhiên cũng có gốc-tích. Có điều là biết cùng không. Đối với người Việt-nam, bình như điều ấy vẫn còn là một vấn đề. Nhiều học giả không đồng ý với nhau. Trước khi bàn xét đến vấn đề ấy, thiết-tưởng, nên nhắc lại một đôi điều : sử cũ của ta chép như thế nào ; mấy nhà bác-học Tây phương nghiên-cứu được gì; và học giả của ta nghĩ ra làm sao ? Chúng ta se lần lượt xem qua dưới đây.

DO SỬ CŨ.— Nhà vua đầu tiên của nước ta là họ Hồng-Bàng, sáng nghiệp từ năm 2879 trước Tây-lịch. Hai bộ truyện xưa nhứt của ta có chép chuyện Hồng-Bàng là bộ « *Việt điện u linh* » và « *Lĩnh-Nam lrich quái* » (đời nhà Trần) và bộ sử ký trước nhất nói đến họ Hồng-Bàng là bộ *Đại-Việt-Sử-Ký toàn thơ* của Ngô-Sĩ-Liên, làm quan Lễ-bộ tả-thị-lang đời vua Thánh-Tôn nhà Lê. Ngày nay, tuy có truyện hoặc kịch thuật chuyện Hùng-Vương (1) nhưng trong dân gian không được lưu hành lắm. Vậy chúng tôi do theo sử sách chép lại như vầy :

Theo tục truyền thì vua Đế-Minh là cháu ba đời vua Thần-nông bên Tàu, đi tuần thú phương nam, qua Ngũ-Lãnh (giáp-giới tỉnh Hồ-Nam và tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây bây giờ) gặp một nàng tiên (nàng Vụ-Tiên) lấy làm vợ, sinh được một người con trai đặt tên là Lộc-Tục. Đế-Minh thấy Lộc-Tục thông minh thánh tri, nên yêu chuộng lắm, muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc-Tục không chịu. Sau Đế-Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế-Nghi làm vua ở phương Bắc và phong cho Lộc-Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh-Dương-Vương, quốc hiệu là Xích-Quỉ.

Bờ cõi nước Xích Quỉ bấy giờ, phía Bắc giáp hồ Động-Đình (tỉnh Hồ-Nam bên Tàu) phía Nam giáp nước Hồ-Tôn (Chiêm-Thành) phía Tây giáp Ba-Thục (Tứ-Xuyên), phía Đông giáp biển Nam-hãi.

https://tieulun.hopto.org

Hoàng-tử Lộc-Tục một hôm đi ngoạn cảnh ở hồ Động-Đình thình linh gặp một người thiếu nữ nhan sắc tuyệt vời (có chỗ nói là một người con gái chăn dê) tự xưng là Thần-Long (hay Long-nữ) con Động-Đình-Quân. Lộc-Tục kết duyên cùng nàng ấy, đẻ ra Sùng-Lãm nối ngôi làm vua, xưng là Lạc-long-quân.

Lạc-long-quân cưới con gái vua Đế-Lai, vua một nước láng-giềng, tên là Âu-Cơ (2) sinh được một trăm cái trứng, nở thành một trăm người con trai (3). Một hôm Lạc-long-quân nói với Âu-Cơ rằng : « Tôi là giòng dõi Long-quân mà nàng là giòng dõi thần tiên, thuỷ, hoả khắc nhau, không thể ở lâu cùng nhau được .» Hai người bèn chia con, năm chục người theo mẹ lên miền núi, năm chục người theo cha xuống miền biển. Người con đầu lòng theo Lạc-long-quân được phong làm vua nước Văn-Lang, xưng là Hùng-Vương.

Hùng Vương đóng đô ở Phong châu, đặt tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng, con vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mị-nương, các quan nhỏ gọi là Bố-chính. Quyền chính trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Các vua đều xưng là Hùng-vương, cũ thảy mười tám đời.

« *Trước sau đều gọi Hùng-Vương*
Vua thường nối hiệu, quan thường nối tên
Lạc hầu là tướng điều nguyên
Vũ là Lạc-tướng, giữ quyền quân cơ.
Đặt quan bố chánh hữu ty
Chức danh một bực đẳng uy một loài... »

(Đại-Nam quốc sử diễn ca)

Sử chép rằng đời Hùng-Vương thứ nhất, người nước Văn-lang làm nghề chài lưới, cứ hay bị giống thuồng-luồng làm hại vua mới bắt dân lấy chàm vẽ mình để những giống ấy tưởng là đồng loại không làm hại nữa. Sử lại chép rằng thuyền của ta ở đàng mũi thường hay làm hai con mắt cũng có ý để cho các thứ thủy-quái ở sông ở biển không quấy nhiều đến (4).

Cứ theo sử cũ thì nước Văn-lang chia ra làm mười lăm bộ :

1· Văn lang (Bạch-bạc, tỉnh Vĩnh yên)

2· Châu-diên
3· Phúc-lộc
} (Sơn-tây)

https://tieulun.hopto.org

4· Tản-hưng (Hưng-hóa — Tuyên-quang)

5· Vũ-định (Thái-nguyên — Cao-bằng)

6· Vũ-ninh (Bắc-ninh)

7· Lục-hải (Lạng-sơn)

8· Ninh-hải (Quảng-yên)

9· Dương-tuyền (Hải-dương)

10· Giao-chỉ (Hanôi, Hưng-yên, Nam-định. Ninh-bình)

11· Cửu-chân (Thanh-hóa)

12· Hoài-hoan (Nghệ-an)

13· Cửu-đức (Hà-tĩnh)

14. Việt-thường (Quãng-bình, Quảng-trị)

15· Bình-văn (?)

DO CÁC NHÀ KHẢO-CỔ.— Hai giáo-sư trường Bác-cổ Viễn-đông (Ecole Française d'Extrême-Orient) có nghiên cứu đến gốc tích người Việt-nam là ông H. Maspéro và L. Aurousseau.

1°) Theo ông H. Maspéro thì sử cũ của ta chép nhiều chỗ sai lầm. Ông cho rằng không có nước tên Văn-lang. Ấy là người ta lầm với nước Dạ-lang cũa dân Miêu-Tộc ở vào tỉnh Vân-nam, Qui-châu ngày nay. Còn chữ Hùng-Vương cũng không trúng. Chính là chữ Lạc Vương viết sai ra mà thôi. Những lầm lộn ấy, nguyên là tại người Tàu (thế kỷ thứ VI thứ VII) chép sai, nên các sử-gia của ta soạn ở sách Tàu cũng sai theo (5).

Trong Tập-san Khai tri Tiến-đức (Bulletin de l'A.F.I.M.A. Janvier-Juin 1942, Hanôi), ông Lê-Dư có bác cái thuyết cũa ông H. Maspéro bằng những lý lẻ xác đáng. Ông viết :

« Trong bài giáo sư Maspéro khảo cứu về nước Văn-lang ta, đại khái nói :

« Sách *Việt sử lược* chép : ông vua đầu tiên nước Annam tên là Hùng Vương và có mười tám đời, Sách *Việt điện u linh* soạn ra trước sách *Việt sử lược* nữa thế kỷ cũng có chép sự tích vua Hùng Vương. Sách *Nam việt chí* cũng nói là Hùng vương. Sách *Giao châu ngoại vực ký* thì chép là Lạc vương. Chữ Lạc nầy với chử Hùng (theo chữ nho) giống nhau lắm, dễ viết lầm, không biết chữ nào là đúng, sau nữa tìm thấy sách *Quảng châu ký* chép rỏ ràng chữ Lạc hầu, Lạc tướng, mới giải quyết được chử Lạc là đúng. thế thì sử Nam từ xưa chép là Hùng vương đều lầm cả, nên xóa đi, từ xưa chỉ có Lạc vương thoi.

https://tieulun.hopto.org

« Chỗ sách ông Maspéro căn cứ để khảo cứu có năm quyển, hai quyển sách ta, ba quyển sách Tàu. Hai quyển sách ta chép là Hùng-vương, rồi một quyển Tàu cũng chép là Hùng-vương, kế đến hai quyển Tàu, một quyển chép là Lạc-vương, quyển kia chép Lạc-hầu, Lạc-tướng mà ông dám vội đoán ngay là Lạc-vương. Ông lại không nói đúng, vào chữ Lạc nào. Sự xét nhận của ông khiếm khuyết ngay từ đo. . .

« Ông Maspéro lại nói trong bài khảo cứu của ông « những sử ta toan là chép theo sữ Tàu » thế thì những sự tích đời Hùng chép rõ trong sách vở ta ông có thể tìm thấy ở trong một quyển sách nào do người Tàu chép không? Tuyệt nhiên không. Tôi quả quyết là không vì những sách Tàu nói về việc nước Nam, tôi đã tra cứu kỹ có lẻ không sót mấy quyển. »

Thiết tưởng Lạc-vương hay Hùng-vương đều có nghĩa : vua nước Lạc-việt (Lạc vương) lấy hiệu là Hùng vương.

2°) Thuyết của H. Maspéro có tính cách phá hoại bao nhiêu thời thuyết của L. Aurousseau có tính cách kiến thiết bấy nhiêu. Theo ông dẫn chứng cổ điển thì tổ tiên ta là người nước Việt ở miền hạ lưu sông Dương-tữ (bên Tàu), sau bị nước Sở đánh đuổi phải chạy xuống miền Nam ở miền Quảng-Đông, Quảng-Tây rồi lần lần đến Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ (6).

Nhà Trung-hoa học đầu tiên có ý nghĩ ấy là Edouard Chavannes. Trong bộ sữ ký cũa Tư Mã Thiên mà ông dịch ra tiếng Phap, ở chương nói về Việt Vương Câu Tiễn, ông có chua như vầy : « Đông Âu ở Triết giang, Tây Âu ở Bắc kỳ là hai chi cũa một giống người, giống Annam. Đả nhận rằng Nam Việt và Việt Đông Hải thuộc về giống Annam và do nước Việt của Câu Tiễn là vua nổi tiếng nhứt, mà ra, thì cũng phải cho rằng dân nước Việt ấy củng là giống Annam. Chương nầy cũa Tư Mã Thiên là tài liệu sữ học xưa nhứt ta được có về dòng giống người Annam vậy ».

Dựa theo ý nghĩ trực giác trên đây, ông Aurousseau lấy lẽ rằng người Văn-lang và người Việt có phong tục giống nhau (vẽ mình) tên nước tương tợ nhau (U-việt, Lạc-việt) và đồng một họ, họ Mị (Mị-nương, Mị-châu) nên cho rằng gốc gác người Việt-nam là người Việt đời chiến quốc.

Lại nữa nhà vua nước Sở cũng họ Mị (Mỹ) nên nước Việt và nước Sở củng do một giống mà ra (7).

Thế thì gốc gác người Việt-Nam ngày nay phải tìm ở nước Sở đời Xuân thu chiến quốc vậy.

https://tieulun.hopto.org

Thuyết của ông Aurousseau, nhiều nhà sử học Pháp nhận theo, nhưng ông H. Maspéro trong quyển La Chine Antique bảo rằng không có gì làm bằng chứng rằng người Việt sau khi bị nước Sở đanh tan năm 333 tr. T. C. có đến di cư ở đất Bắc-kỳ ngày nay.

Thiết tưởng ý kiến của ông Aurousseau nhiều chỗ có lý lắm. Nhưng nó không đá động gì đến nước Văn-Lang và Hùng-Vương cả. Hình như mâu thuẫn nhau. Hễ theo thuyết Aurousseau thì phải gác bỏ chuyện đời Hồng-Bàng. Có lẽ vì vậy nên ông Dương-quảng-Hàm trong quyển Leçons d'Histoire d'Annam không nói đến đời Hồng-Bàng và đời Thục. Trái lại, ông Trần trọng-Kim trong quyển Việt-Nam Sử lược tái bản năm 1928 không hề nhắc đến thuyết Aurousseau.

Chúng tôi trộm nghĩ nên xử trí ra làm sao ; trong một bài sau sẽ phân giải.

LÊ-CHÍ-THIỆP

---

(1) Hùng-vương diễn nghĩa của Trúc Khê. — Động đình hồ và Hùng-Duệ vương (Kịch lịch sử) của Mai Sơn.

(2) Trong Cours d Histoire annamite của Trương-vĩnh-Ký chép Đế-Lai là vua bên Tàu và Mụ Cơ thay cho Âu Cơ.

(3) Trong tập Hùng-Sơn ngọc phả của Phạm-huy-Hổ thấy chép : « Trăm con ấy là nhiều bà sinh, không phải một bà Âu Cơ, cũng không một trăm bọc trứng. Rằng một bọc là tỏ ý đồng bào, bởi vậy tục ta phàm con thứ mấu chỉ gọi một cách mẫu bằng mẹ, anh em khác mẹ cũng gọi nhau bằng bào huynh, bào đệ »

(4) Việt Nam Sử-Lược của Trần Trọng Kim—Việt Nam văn-hóa sử-cương của Đào Duy Anh

(5) Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient 1918.

(6) Bulletin de l'E.F.E.O. 1923.

(7) Xem Histoire du Royaume de Tch'ou (Sở par Tschepe (le P).

L. C. T.

https://tieulun.hopto.org

XIN ĐỘC-GIẢ LƯU Ý

Không cần phải nhắc đi lặp lại nhiều lần, liệt qui độc giả cũng đả rỏ các nhà báo chi đang trải qua một tình cảnh khó khăn bết sức. Giấy mực và nhân công đả tăng lên thật cao mà cũng không phải là dễ kiếm mua và mướn như hồi trước. Bằng cớ là các báo chí trong nước đả phải thay hình đổi dạng nhiều phen, đả phải thay đổi giá bán năm và bán lẻ luôn, nhưng nếu không làm vậy thi làm sao chịu đựng nổi. Trong lúc chiến tranh, báo chí phải hi sanh, độc giả phải hi sanh, tưởng cũng là một việc dĩ nhiên.

Hai tờ báo, chí của chúng tôi cũng không thể tránh khỏi cái công lệ nói trên, mặc dầu lâu nay chúng tôi đả phải hi sanh đủ cách để khỏi tăng giá. Nhưng hôm nay vì tình thế thúc bách quá lắm, nên chúng tôi phải buộc lòng, kể từ 1er Avril chi hận, thay đổi giá bán lại như sau đây :

Nam-Kỳ Tuần-Báo	Một năm	13$00
	Sáu tháng	7 00
	Ba tháng	4 00
	Mỗi số	0 25

Aboanements administratifs et collectifs : Un an : 18 p. 00

Đại-Việt Tập-Chí	Một năm	9$00
	Sáu tháng	5 00
	Mỗi số	0 40

Collectivités et Administration ; Un an : 12 p. 00

Mua luôn *Nam-Kỳ Tuần-Báo* và *Đại-Việt Tập-Chí* một năm : 20p.

Trong số mấy ngàn độc giả cũa *N.K.T.B.* và *Đ.V.T.C.* còn có một số đông, hoặc là vì bận việc mà quên, hoặc chưa có dịp đến nhà Dây thép, nên chưa gởi trả giùm số tiền mua báo chí. Một người thì vô hại, nhưng với trăm người, ngàn người tự nhiên phải thành ra một số tiền lớn, một số tiền mà chúng tôi rất cần dùng để nuôi sống 2 tờ báo, hầu làm việc hữu-ích cho xả-hội, quốc-gia. Vậy xin liệt vị gấp gởi ngay giùm số tiền mua báo đến, như vậy sẽ đỡ cho nhà báo, khỏi phải mướn người đi thâu hoặc khỏi tốn sở phí khi cậy sở Bưu-chánh cho người thâu giùm.

Mấy lời tâm huyết, ước mong độc giả thấu tình, chúng tôi muôn vàn cảm bội.

N.K.T.B. và **Đ.V.T.C.** *cẩn khải*

https://tieulun.hopto.org

TAM GIÁO LƯỢC KHẢO

(Tiếp theo)

XI. — LÃO GIÁO (Le Taoïsme)

NGHIÊN-cứu về Đạo học — học thuyết của Lão-tử — là một điều rất khó khăn. Vì ngoài sách Đạo-đức kinh và Cảm-ứng ra thì không có gì để kê-cứu cho rộng thêm nữa. Vả lại, Đạo đức kinh là quyển sách của ngài chép những mẫu tư tưởng vụn vặt rất phức-tạp mâu-thuẫn và không mạch lạc, không kết cấu. Thành thử, những học giả muốn nghiên cứu học thuyết của ngài thì không tìm được nhiều tài liệu gì để giải thích cho hoàn toàn. Cả đến thân thế của ngài, sinh tử lúc nào cũng không được rõ rệt. Có lẽ lúc thiếu thời, Lảo-tử là một ông quan nhỏ không danh tiếng gì, chỉ giữ chức coi sách trong tàng-thư và đạo của ngài không được nhiều người dùng ; rồi chán-nản, ngài vào núi non ẩn dật, nên sự sống chết của ngài không được ai để ý đến và cũng vì thế, những sách sử không biết đâu mà chép lại cho rõ rệt được.

Có sách chép rằng : Lảo-tử người nước Sở, họ Lý tên Nhĩ tự Lão Đam làm quan về đời nhà Châu sung chức Trụ hạ sử coi giữ những sổ sách tàng thư.

Có sách lại nói Lảo-tử là người nước Trần, tên hiệu là Bá-dương làm quan dưới trtều U-dương nhà Châu, sống đến 250 tuổi. Các sử ký Tàu lại nói Lảo-tử sống đến 160 tuổi, có chỗ nói hơn 200 tuổi.

Những chuyện thần tiên thì nói rằng : Bà mẹ Lảo tử có thai Lảo-tử đến 72 năm, lúc sanh bằng ở nách và, khi Lảo-tử ra đời thì râu tóc hạc phơ, sau thành tiên có phép diệu thuật rất cao. Người ta tôn là Thái thượng lão quân.

Nhưng đó toàn là những chuyện hoang đường bịa đặt cả.

Lai lịch của ngài không bằng cứ như thế, tưởng cũng không quan trọng gì mấy trong công cuộc sưu tầm nghiên cứu học thuyết của ngài.

https://tieulun.hopto.org

Vậy đạo của ngài, có sách chép— cũng kêu là đạo Huỳnh-lảo. Vì học thuyết ấy do nơi vua Huỳnh-đế mà Lảo-tữ kê cứu và đem phát minh ra.

Bắt đầu vào thời Xuân-Thu, nhà Châu hết thạnh tới suy, thiên hạ ly loạn, chư hầu đồ vương lập bá, đạo đức suy vi, nhân loại lôi cuốn vào cuộc chiến tranh rất thảm khốc. Trước tình trạng hỗn độn như thế, Lảo-tữ mới đem đạo cũa mình truyền bá giảng giãi cho thiên hạ, mong vản hồi thế đạo nhân tâm. Song le, càng nói đạo đức bao nhiêu thì nhân loại càng xâu xé chém giết gian giáo vì quyền lợi bấy nhiêu. Vì vậy, ngài chán nản cuộc đời ly loạn mới bỏ nhà Châu rồi đi ẩn dật trong non cao rừng thẳm ở núi Hóa-sơn. Ngài đi về phương Tây để lên núi Côn-lôn xứ Tây Tạng thuộc về phia Bắc Ấn-độ. Khi đến cữa ải Hàm-Cốc, quan coi ải là Doản-Hỉ xem phong khi của ngài biết không phải là kẻ tầm thường, mới khẩn cầu xin làm đồ đệ để học lấy cái đạo huyền diệu của ngài. Bấy giờ, ngài mới ở lại mà viết quyển Đạo đức kinh hơn năm ngàn chữ, có 81 chương chia làm hai thiên để truyền lại cho Doản-Hỉ.

Kinh sách cũa ngài gồm có hai quyển :

1.— Kinh Cảm-Ứng là sách dạy cách ăn ở để biết điều họa phước cho người ở vào bực thường.

2.— Kinh Đạo-Đức là sách nói về triết lý cao siêu thâm diệu để biết về sự huyền bí của Đạo và lẻ Vô vi cho người ở vao bực cao thượng.

Giải thich về vấn đề vỏ trụ nhơn sanh, Lảo tữ cho rằng : nguồn gốc cũa vỏ trụ là Đạo. Đạo là nguyên-thũy của vạn vật. Nhưng đạo là gì ? Là sự hỗn hợp thành ra một vật. Vật ấy sanh ra trước trời đất, ban bố đi khắp mọi noi, vĩnh viễn bất diệt, to lơn không cùng. Ta có thể cãm giác được mà không thể thấy được. Có thể hiểu biết được mà không thể giải tỏ được. Nó là một lẽ Tuyệt-đối, muốn cảm lấy phải dùng đến Trực-giác. Vì vậy phãi kêu nó là Đạo. Đạo rất nhiệm mầu, rất cao viễn. Người ta không thể lấy một phạm vi nhỏ hẹp mà hiểu đặng Đạo hay rèn đúc lý hội được Đạo bằng tri thức. Bởi Đạo mà nói đặng, không phãi là Đạo vĩnh viễn. Tên mà gọi đặng, không phải là tên trường-tồn. Không tên là nguồn cội cũa trời đất, có tên là kiểu mẫu của muôn loài (Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh. Vô danh thiên địa chi thũy, hữu danh vạn vật chi mẫu).

Lảo-tữ cho rằng, sự cấu tạo vỏ trụ vạn vật là do nơi Đạo. Đạo ta là nguyên tế của vỏ trụ vạn vật, Bởi lúc nguyên thủy

https://tieulun.hopto.org

chỉ có đạo mà thôi. Kế đó Đạo mới sanh ra bầu khí không hư rồi bầu khí không hư lại sanh ra âm dương. Sau rốt, âm dương họp lại mới sanh ra vạn vật. Đạo là vô tình mà sanh ra chớ không phải vì tư ý. Đạo như làn nước minh mông chảy tràn khắp mọi nơi, muôn vật nhờ đó mà sanh hóa.

Ví dụ như hương thơm của hoa, dầu hoa có mọc trong hang cùng núi thẳm nhưng cũng cứ nở và cứ thơm. Nó không vì có người biết thưởng thức mới khoe sắc đẹp hương thơm. Nó mọc vì mọc, nó nở vì nỡ, nó thơm vì thơm, ấy là luật tự nhiên, Đạo cũng thế.

Theo Lão-tử, vũ trụ là một cuộc tuần hoàn không ngừng. Vật nào củng chịu cái luật biến thể như giòng nước lan tràn khắp mọi gành, rạch, sông, nhưng thế nào củng do ở nguồn biển và, từ ở nguồn biển lại lan tràn vào rạch sông rồi củng qui nguyên ở nguồn biển. Vật nào cũng trở về căn bản. Trở về căn bản gọi là im lặng. Như thế tức là trở lại định mạng (Phu vật vân vân, các qui kỳ căn ; qui căn viết tĩnh, thị vị phục mạng).

Có người cho đạo của Lão-tử là yếm thế. Thật ra đối với đời -- theo Lão-tử — cái thiên chức làm người, ai cũng cần phải giữ lấy. Nhưng, không phải ai cũng lấy đời làm lạc thú. Lão-tử rất ghét những người ham mê danh lợi vật dục mà quá trọng xác thịch của mình. Đối với Lão-tử, con người chỉ nên sống một cuộc đời chất phác hồn nhiên, vui về ăn mặc theo lẻ thường để trở về với Định-mạng. Đối với đời không nên lảnh đạm, bởi thế một thời, Lã-tử phải quên mình mà phụng sự cho đời, đem học thuyết của mình truyền bá cho dân chúng mong vản hồi nhân tâm thế đạo. Sau một cuộc hoàn toàn thất bại, Lảo-tử mới từ quan đi ẩn dật trong núi non. Lão-tử cho thế là hợp với đạo trời.

Đối với đời, thân mình không đáng qui, đáng qui nhất là khi người ta đem mình để phụng sự cho thiên hạ. Vá, đối với con người, sự chết là lẽ tự nhiên theo luật nhất định, không đáng phàn nàn, luyến tiếc. . .

Quan-niệm về Trời hay Thượng-đế, và quỉ thần thì Lảo-tử cho rằng : vỏ trụ là cái máy thiên nhiên tác-động lưu-hành biến đổi bởi Đạo. Đạo là bản chất, là chủ động. Đạo sinh ra vạn vật, rồi vạn vật trở về Đạo theo một định-luật tự nhiên. Vì thế, ngoài Đạo ra, Lảo-tử không tin một vật gì có quyền năng sáng tạo nào nữa. Hay nói một cách khác, ngoài luật tự

https://tieulun.hopto.org

nhiên — Đạo — thì không có một đấng nào như Trời hay Thượng-đế mà các tôn-giáo sùng tặng cho là đấng chúa-tể thiêng-liêng tối cao tối trọng toàn tri toàn năng cai quản và sinh hóa vũ-trụ vạn vật.

Bởi thế về việc quỉ thần, thì Lảo-tử ít khi bàn đến. Nhưng nếu cho rằng có, thì quỉ thần, đối với Lảo-tử, cũng không ngoài lẻ tự nhiên. Nghĩa là nó phải chịu luật cấu tạo và chi-phối dưới sức mạnh cũa thiên nhiên. Lảo-tử nói : lấy đạo mà trị thiên-hạ thì ma quỉ cũng không thiêng-liêng. (Dĩ Đạo trị thiên hạ, kỷ quỉ bất thần). Vậy, quỉ thần không gieo phúc làm họa được ai. Sở dĩ có những việc tai quái đáng sợ đáng ghê là do sự tin ngưỡng của một xã-hội loạn-lạc và bởi loài người đi xa lìa cái Đạo. Nếu một xả-hội tổ chức trên nền tảng của Đạo, thì những chuyện hoang đường phải tiêu diệt. Mà dầu còn quỉ thần đi nữa cũng không hoành-hành tác quái được để mê hoặc dân tâm.

Bởi cho vạn vật võ trụ do tự nhiên sanh hóa, lòng người muốn cũng không được, làm lại cũng không được, xoay trở cũng không được. Sự biến chuyển là do luật thiên nhiên. Vì vậy, Lão tử chủ trương chủ nghĩa « *Vô vi* ». Cũng như Đạo, theo lẻ tự nhiên sinh hóa vạn vật chớ không phải vì tư tâm. Như thế mới công bằng, không thiên vị, ghét bỏ riêng ai. Ví dụ như gió thổi, chim kêu, cây mọc là do đặc tính của nó. Những hành động ấy đều gọi là hành động *vô vi*, nghĩa là sự làm ấy không phải vì chủ nghĩa, vì mục đích, lại cũng không hay mình làm và có làm nữa. Vì tư tâm tức là làm sai lẻ cũa luật thiên nhiên.

Lão-tử cho rằng Đạo là qui nhất rồi đến Đức. Cái Đạo ấy sở dĩ qui là do nơi sự tự nhiên không làm mà có. Còn những đạo đức luân lý của người đời như nhân nghĩa, từ bi, bác ái chỉ để khuyến khích tưởng lệ con người được trở nên kẻ hiền nhân quân tử. Như thế, những người ép mình vào phạm vi ấy thì toàn là những người có những hành vi bẩn chật nô lệ hữu ý cả.

Vì, theo Lảo-tử, hữu ý tức là giả dối. Nếu càng hữu ý, một xả hội như thế thì tất phải loạn lạc suy đồi.

Tóm lại; hành vi của kẻ vô ngã là tự bẩn tính xúc động mà làm. Trái lại, kẻ hữu ngả thì loay quay theo tư dục, bị hoàn cãnh sai sữ, bị động.

Vì vậy, Lảo-tử cho « *Vô Vi* » là một chũ nghĩa hòa hợp cùng thiên nhiên, ứng dụng với phép xữ thế, cả đến sự tu thân và

https://tieulun.hopto.org

gây tạo hạnh phúc cho quốc gia xã hội.

Xem thế, phương pháp giáo hóa của Lão-tử lại khác hơn những nhà hiền triết khác. Lảo tử không viết sách vở, hhông dạy học trò để phổ cập cái học thuyết của mình cho dân chúng. Suốt đời, Lảo-tử chỉ làm một việc khác người là vẫn ngồi không, luyện tinh đức, luyện phép dưỡng sinh để cho thiên hạ chú ý đến mình và lấy đó làm khuôn mẫu để cho loài người được trở lại với luật tự nhiên.

Người đời sau cho đạo Lảo là một đạo tu tiên, nấu thuốc tinh đơn để luyện tinuật trường sinh củng vì thế !

Trước một thời cuộc rối ren ở nước Tàu, nước nầy thôn tính nước kia, trên bải sa trường nhuộm đầy máu đỏ của nhân loại. Họ xâu xé giết chóc bằng mũi giáo làn tên để đổi lấy ngôi bá chủ, giải quyết về lợi quyền. Mục kích cái thãm trạng núi xương sông máu như thế, Lảo-tử cho là xả-hội thời ấy là một xả-hội cai-trị bằng một chánh sách « hửu vi ». Nếu nhân loại càng hữu vi bao nhiêu thì càng loạn-lạc hư hỏng tàn sát ghê gớm bấy nhiêu.

Đối trị cái chánh sách « hữa vi », Lảo-tử chũ trương thuyết « vô vi ».

Muốn thật hành phương pháp vô-vi thì trước phải vô dục (bỏ tuyệt lòng ham muốn về vật-chất) vô cầu (không cầu sự phú qui vinh hoa) vô tranh (không tranh giành danh lợi).

Lảo tử cho rằng bởi có sự kính trọng tôn thờ các chư hầu tể-tướng mới sinh ra giai cấp làm mất tình thân thiện hòa hảo khắn khít giữa hàng quan lại với nông-nô. Bởi chuộng người hiền mới sanh lòng ghen tị tật đố. Bởi có qui những vật khó tìm mới làm cho dân sanh ra trộm cướp. Vậy muốn giải quyết về sự xung đột giữa nước nọ với nước kia, theo ý Lão-tử thì các nước phải nhường nhịn lẫn nhau. Nhất là nước lớn phải nhịn nước nhỏ. Và, trong việc trị dân, các nhà cầm quyền giữ được Đạo thì dân chúng sẻ phục tùng mình và sẻ hòa hợp cùng trời đất. Chừng ấy khỏi có pháp luật hình nhục, dân chúng củng biết theo lẽ phải.

Tóm lại, đạo Lảo là một đạo rất huyền bí viển vông ; hay hơn nữa là đi quá xa thật tế mà nhân loại khó thật hành được. Vì vậy đạo Lảo phải lu lờ. Vả lại người đời không thể hoàn toàn ỷ-lại vào luật tự nhiên để sống. Ngoài ngũ cốc phi cầm tẩu

https://tieulun.hopto.org

thú do trời sanh ra, ta còn cần phải tự tạo lấy những đồ vật cần dùng để cạnh tranh sanh tồn. Luật tự nhiên không thể ngăn cấm được.

Bởi chủ trương về luật tự nhiên và vào non núi ẩn dật, luyện phép trường sanh nên người đời sau chỉ cho đạo Lão là một đạo tu tiên thôi. , Và chủ nghĩa của Lảo-tử là chũ nghĩa yểm thế tiêu-cực,.. làm mất mầm tranh đấu ỹ cỏi đời thật-tế,

Tư-tưỡng.— Làm mà còn biết mình làm, cái làm ấy rất thô bỉ, không thể gọi là hoàn toàn.

Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu. Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu (Vô dục thì thấy đặng cái lý của Đạo. Hữu dục chỉ thấy cái trạng thái cũa Đạo mà thôi.)

Đạo là sự trường cửu và không có tên. Nếu có tên tức không nhải là Đạo (Lảo-tử).

∴

Nhứt thế hữu vi pháp như mộng, Quyển phao, ãnh ; như lộ diệc như điển ; ưng tác như thị quan. (Kim-Cang kinh. — Thích-Ca mâu-ni).

(Những pháp hữu vi ấy như chtêm bao, huyền mị, bọt bào, bóng, chớp mù ; nên tưỡng đều như vậy.)

Dịch chi vi thư giả, bất khả viễn, vi đạo giả lủ thiên, biến động bất cư, châu lưu lục hư, thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch, bất khả vi điển yếu, duy biến sỡ thích. (Dịch: Hệ từ hạ.— Khổng-tử).

(Dịch là sách không xa sự thật, Đạo Dịch biến đổi luôn, không nhất định nơi nào, lưu chuyển khắp cã sáu cõi, trên dưới không thường, cương như thay đỗi nhau, không lấy làm điển yếu, chỉ thích hợp với sự biến đổi).

Vạn vật tịnh tắc, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các qui kỳ căn · qui căn viết tĩnh, thị vị phục mạng. Phục mạng viết thường. (Đạo đức kinh— Lảo tử)

(Muôn vật đều chuyển biến, ta để xem cuộc trở lại. Các vật thảy thảy, vật nào cũng trở về căn bản mình. Trở về căn bản là im lặng, như thế là trở lại định mạng gọi là vĩnh viễn).

QUANG-PHONG

https://tieulun.hopto.org

DIỄN-GIẢ VÀ VĂN-SĨ

(Tiếp theo)

HÍNH-giả thì quảng-đại hơn độc giả. Chúng cũng như kẽ đi dạo để chơn vào một vườn hoa mà người làm vườn cứ đi theo sau, cứ hối đi tới. Chúng muốn đứng lại đặng ngắm những hoa đẹp, thưởng thức những cảnh hay, hay đặng để ý vào những cộng gai dưới những cái bông hường tươi tắn. Nhưng không được : một cái tay vô-tình luôn luôn để nơi vai chúng và luôn luôn xô chúng nhẹ nhẹ. Câu : « *người ta không thể tắm hai lần trong một giòng nước* » của ông Héraclite rất thích hợp với chúng. Muốn cho một thính giả tối tri hơn hết, hiểu những ý mình bày tỏ -- mục đích tối-cao của tài hùng biện -- nhà diễn giả phải có một giọng văn dễ và rỏ. Người không có quyền buộc thính giả phải ôm đầu, nhăn trán, nát óc đặng lý-giải một chữ, một câu, như những ông Paul Valéry.

Mỗi giọt nước mưa rớt trên bải cát để vào đấy một lỗ nhỏ, mỗi lời nói cũa diễn-giả chạy qua tai thính-giả để lại đấy một chút dấu tích. Ông Voltaire có viết : « *Ở đâu có những ý chồng chất lên thì không có hùng biện* » (Il n'y a point d'éloquence où il y a surcharge d'idées). Ông lầm. Sau khi phát biểu một tư tưởng theo thể thức trừu tượng và thấy thính-giả không hiểu nhiều, diễn-giả phải lập lại cái ý đó một cách cụ thể và người còn có thể tã nó ra bằng một tỷ dụ. Nhà văn nào mà làm như vậy thì thất kính với độc-giả, vì người biết rằng độc-giả, gặp một sự khó, ngừng lại, trở lại được. Vì vậy nên ông Cornemin mới viết : « *Không thế nào, những bài diễn văn mà ông Démosthène đọc khi xưa giống như những bài cũa ông mà ta đọc bây giờ, lởn chởn những việc và những luật, quá trang nghiêm, quá khuôn phép. Sau cuộc rồi, các bài diễn thuyết của ông Cicéron mới sắp đặt lại và làm lại cốt là vì tánh khoe khoang của diễn-giả và vì sự du khoái của hậu-sanh* « (Il est impossible que les discours de Démosthène aient été déclamés tels que nous les lisons, si bérissés de faits et de lois si graves, si méthodiques ; les harangues de Cicéron ont été arraugées et

https://tieulun.hopto.org

refaites après coup pour la vanité de l'orateur et le plaisir de la postérité). Chẳng có chi nhọc nhằn bằng đọc những bài diễn văn xuất sắc của những ông Lacordaire, Berryer, Thiers.

Nhà diễn giả không phải như mấy anh học trò rán nhét vào óc những cái biết không tiến và tới giờ thầy kêu, ói ra không sót một chử. Trí nảo đã hiểu sâu một vấn đề, tấm lòng đả chan chứa một tình cảm, người để cho sự cãm hứng trong lúc đứng trước cữ tọa tìm kiếm, hoặc chọn lựa những lời lẽ hùng hồn. Giọng nói người, bộ tịch người thì tự nhiên. Mắt người chăm chĩ ngó thính giả. Bài diễn văn người nhiệt liệt, đầy những thành ngử và từ hoa mà một vài khi, giữa sự êm lặng của phòng giấy, người không nghỉ tới.

Người tự do chăm chĩ vào những chỗ cãm kích được thính giả và xóa bỏ những đoạn mà thính giả không thích nghe. Người tùy theo hoàn cãnh luôn luôn, đó là sức mạnh của người, đó là phần hơn của sự ứng khẩu. Người trã thuộc lòng thì không dám dòm thính giã. Cặp mắt người dường như không dám rời cái bài mà rất khó nhọc, người đem nhốt nó vào trí nhớ: người sợ nó chạy mất đi.

Thấy người, ta ắt tưởng đến những anh hút thuốc phiện đương lim dim mơ mộng một cuộc đời không có. Một cái vỗ tay, một tiếng cười, một cái gì cũng có thể cắt đứt dây liên lạc của bài người trả. Người không làm cho thính giả tin ; người chĩ trông đọc hết bài cho khỏi quên, khỏi vấp. Người không lấy làm vui và vinh diệu đứng ra giáo-hoá quần-chúng. Trái lại, người bước lên diễn đàn cũng như một kẻ tôi nhơn bước lên đoạn-đầu-đài. Lúc người thốt ra chữ chót là lúc mà kẻ tội nhơn được đao-phũ-thũ giải phóng cho. Dầu người làm thế nào thì giọng nói người cũng không đổi. Bộ tịch người là bộ tịch của một anh kép dở. Trí nhớ người nóng, tấm lòng người lạnh. Người không hợp với quần chúng : ấy là kẻ bữa trước, chớ không phải là người biện thời. Một nhà phê bình có ngạo những bài diễn văn đọc hay trã thuộc lòng : khi trong một bài, người thấy câu: «Mấy ngài run sợ phải không?», người hỏi rằng :«Nếu trong lúc đó không ai run sợ chút nào, thì có phãi là một trò cười chăng ? » Ứng khẩu là qui tắc và là đặc-tính của tài hùng biện.

Tuy diễn-giả không trả thuộc lòng, nhưng trí nhớ rất cần thiết cho người. Ông Cicéron kêu trí nhớ là kho vàng của trí thức.Nhờ nó, ta nhớ những điều ta học, những ý tưởng mà ta suy nghĩ ra, những chữ, những câu, những đoạn mà ta tìm được

https://tieulun.hopto.org

những lời cũa đối phương mà ta sẽ bài bác. Nhờ nó, ta biết ta sẽ nói những cái gì và phải nói cách nào. Không, tri nhớ ta không thế nao có sẵn những vật liệu đặng ứng khẩu, ta không thế nào trở nên nhà diễn giã. Nhá văn sĩ thi không cần tới nó.

Nhà văn sĩ viết đặng viết ; nhà diễn giã nói không cốt để mà nói, để được tiếng khen là có «ngôn ngữ nhu lưu». Người phải đem vào trong các tri não sự tin nhiệm, và khêu gợi tình cãm trong các tâm hồn. Bài diễn văn của người là một hành động, một món binh khí. Nhà văn sĩ có quyền dùng những thành ngữ lảnh khốc. Văn cũa nhà diễn giả thì phải hăng-hái, nhiệt liệt, đầy những từ hoa.

Trong bài văn, âm nhạc là mòn điểm-trang ; trong bài điển văn, nó là vật cần thiết. Nhờ âm nhạc, bài diễn văn gieo trong những linh hồn những sự vui và những sự buồn một cách mau và dề. Một tờ báo tại Osaka báo cáo cuộc diễn giảng cũa một người Pháp, viết rằng : « *đến những người Nhật không hiểu tiếng Pháp cũng lại nghe cái âm nhạc của bài ấy* ». Ta không thế nào chỉ lấy cặp mắt mà thưởng thức được văn thể cũa các ông Bossuet, Jean Jaurès.

Khi ta đọc một cuốn sách rồi, ta biết tài lực và đặc-tính cũa tác giả. Ông Buffon có nói : « *Văn tức là người vậy* ». Nhưng hình dung cũa tác giã ta không đoán được. Diễn giả thì nói trước thính giả. Mặt mày người, vóc vạc người, ai nấy đều thấy rõ. Bộ-tịch ấy cần yếu cho bài diễn văn : nhờ nó, lời nói mới rõ ràng thêm, cảm động thêm. Có một khi, ông Berryer chỉ ngừng ngang giữa bài và lấy tay chùi mi mắt mà ông làm cho cữ tọa rơi nước mắt.

Ông Lamartine có nói : « *Thiên tài thì đâu cũng là thiên tài cả* ». (Le Génie est génie partout). Ta không nên tin câu đó. Nghệ thuật cũa văn-sĩ và nghệ thuật cũa diễn-giả khác nhau. Nhiều nhà diễn-giả không viết hay được : ông Pascal đã công nhận như vậy. Cho đến trong những bài văn, ông Lacordaire diễn-giả cũng còn xuất hiện. Trái lại, nhửng đại văn sĩ ít khi là những đại diễn-giả. Ông Thomas, tác-giả những bài tán tử, không dám đề chữ hùng hồn gần tên cũa người bạn chí thân ông là ông D'Alembert mà người đồng thời sắp vào hạng văn sĩ cao siêu. Ông Maury đề ông Massillon văn sĩ đứng trước ông Massillon diễn-giả.

https://tieulun.hopto.org

Muốn trở nên hùng biện, nhà thi-sĩ « xếp cánh » không chưa đủ. Nhà văn-sĩ cũng vậy. Người phải bắt chước ông Démosthène miệng đầy sỏi, qua lại trên bải biển, đàn áp tiếng sóng với giọng nói, người phải đứng khích một lưỡi gươm nhọn đặng tự sữa những bộ tịch sai lầm, người phải cạo phân nữa đầu, tự nhốt mình dưới hầm sâu cả tháng đặng suy nghĩ, đặng viết, đặng diễn thuyết cho bốn tấm vách nghe. Người phải thâm hiểu và thực hành câu cũa ông Buffon.

« Thiên tài là một sự kiên nhẫn lâu dài (Le génie est une longue patience).

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

ĐÃ CÓ BÁN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng thúc-Liêng tiên-sanh mới xuất-bãn một tập : « Tiểu Phù-viên, Hán văn, Thi văn Toàn tập ». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Nam, nhiều lối tiêu tao nhã thú lắm.

Các bạn nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập : 0$50

Sách có để bán tại Bổn-quán, số 5, đường Reims, và tại nhà riêng Đặng tiên sanh ở đường Colonel Grimaud, Saigon.

https://tieulun.hopto.org

RƯƠNG VÀNG CỦA CON TÔI

của Mỹ-Ấm TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

(Tiếp theo)

HẰNG nói chi chuyện nhỏ-nhặt của nhà bình-dân, không có sử-sách truyền lại làm chứng cho người ta ngờ thấy, nói ngay chuyện nhà vua chúa, như Lữ-hậu nấu làm đổ nghiệp nhà Hán, Võ-hậu hầu làm nghiêng nước nhà Đường, cho chí các triều thường có cái vạ ngoại thích chuyên quyền, đều do tay các vị đức bà đem ý riêng khuấy rối lẻ phải vậy.

Soi vào gương ấy cho nên người xưa chế lễ, phải để ý phù dương, ức âm, mà Nghi lễ đặt ra điều *đàn bà có ba nghĩa theo, không có đạo chuyên chế*..., là chủ nghĩa phòng nhàn các người đàn bà lạm dụng nữ quyền đó, chớ chẳng phải cố ý ức chế nữ quyền đâu.

Tới ngày nay phái phụ nữ bắt theo phong trào giải-phóng của phương Thái-tây, họ vận-động nữ-quyền, hễ là chánh-sách cọng hòa của nước dân-chủ thì phải chịu theo, tức như nàng Trịnh-dục-Tú nước Trung-hoa hiện thời, thi đậu Luật-khoa, bổ làm Hình-chánh sanh Ty-trưởng (quan chủ tòa án), rồi đó quan tòa gái đem tình riêng mà binh-vực chị em quá lẻ, xử những vụ án trái với luật-lý, làm cho chánh-phủ Dân-quốc Trung-hoa phải cách chức quan tòa. Coi vậy thì thấy rằng đàn bà dầu có tài học bậc nào, củng chỉ dùng được làm chức tham mưu mà thôi, chớ khó mà trao cho quyền chấp chánh được.

Chánh-sự trong gia-đình cũng vậy, ở người đàn ông phải giữ cái mô-phạm đứng đắn làm gương cho vợ noi theo ; phụ lấy tánh chất cương minh, mà tài quyết mọi việc ; lại thêm có thái độ ôn nhã, khéo xữ cho trong lối vợ chồng được thuận hòa. Đã tư cách làm chồng, may gặp được người vợ thảo hiền thì biểu đồng tình ; dầu rủi gặp phải người vợ dữ tợn cũng ắt cảm hóa ; còn đối với người vợ là hạng ngây thơ khờ dại, thì lấy lời dịu ngọt mà khuyên lơn nhủ dạy, chớ chẳng nên ra tay cường bạo mà áp-chế nữ-quyền. Miễn làm sao chồng nễ vợ, vợ trọng chồng, trong ấm ngoài êm, khí hòa đem lại điềm lành, đạo nhà bởi đó mà hưng thạnh.

https://tieulun.hopto.org

Sách nầy là bài học cũa nam giới, cho nên chương nầy bàn thiên trọng về đạo làm chồng ; còn đạo làm vợ là phận sự cũa nữ-lưu, thì đả riêng có cuốn « *Hộp phấn cũa chị em* » tại nơi chương *giúp đở người chồng* sẽ phân trần tường tất.

∴

CHƯƠNG THỨ IV

ĐẠO LÀM CHA MẸ

CHA mẹ sanh ra mình, mình lại sanh ra con mình, ấy là thời kỳ mình bước lên mà đứng vào địa vị làm cha mẹ.

Đả đứng vào địa-vị cha mẹ, thì phải có đạo làm cha mẹ, câu tục nói : *Có nuôi con mới biết ơn cha mẹ*, ấy là kể ra cái trình-độ cha mẹ, mà nhứt là cái qui-thức làm cha mẹ ngụ hết ở trong lời.

Biết lòng cha mẹ làm sao ? Biết rằng cha mẹ yêu con, thương con, cưng chuộng con, đều nhắm vào tấm lòng mong muốn cho con. Thuở trước cha mẹ mình đối với mình nặng tình chừng nào, thì ngày nay mình cũng nặng tình đối với con mình chừng ấy.

Mong muốn cho con mạnh, con giỏi. con lớn, con khôn, cho trở nên con người có giá trị trong đời, gồm có cả ý mong muốn cho giàu, cho sang, cho sống lâu, cho giống nòi cường-thạnh ở trong đo,

Bởi mong muốn nhiều bề như vậy, cho nên cần phải gia công giáo dục, khiến cho thành-lập bằng người. Mà giáo dục cho đúng phép phổ thông, nói tóm lại chẳng ngoài ba cách : đức dục, trí dục và thể dục, thì kiếm trong các sách chuyên khoa đều có đũ, tại đây chẳng cần kể ra từng điều mục làm chi cho phiền. Chỉ nói về cơ quan giáo dục mà nghe, thì *dạy con từ thở còn thơ*, ông bà thuở xưa vẫn dặn ta như vậy. Bởi vì tánh chất của trẻ thơ hãy còn non nớt, như cành cây con còn mềm, uốn ngay được ngay, để vạy thành vạy ; nếu không uốn ngay từ thuở ấy, thì sẻ thấy cái lẽ *nhỏ chẳng vin, cã gãy* nhành, đả mất nết đi rồi, không thế nào uốn lại được nửa. Cho nên nói rằng : « *Nhơn chi sơ, tanh bổn thiện. Tánh tương cận, tập tương viễn. Cẩu bất giáo, tánh nãi thiên.* » (1)

---

(1) Sáu câu trong Tam Tự Kinh của Vương-ứng Lân đời Tống soạn ra, lấy chữ trong sách Mạnh tử là lời thầy Mạnh tử và sách Luận-ngữ là lời đức Khổng tử mà đặt. nghĩa là ; Người ta từ lúc mới sanh, đ u có cái tánh lành gần như nhau, tới chừng lớn lên, mỗi người tập theo mỗi đường, mới thành xa nhau. Vậy nếu không dạy ngay từ úc nhỏ thì tánh liền đời dỗi qua tanh dữ.

https://tieulun.hopto.org

Nhứt là buổi đời ngày nay, bất cứ con nhà nào, thượng lưu hay là hạ lưu; mới nẩy mũi ra đả có tri khôn lanh rất mực, ăn nói láu lĩnh, phả nghịch tinh ranh. Phong dao ta có câu : « *Đời xưa quĩ ở phương đông, đời sau quĩ nhập vào lòng trẻ con* ». Câu ấy chẳng hay xuất hiện từ đời thuỡ nào, tạo thành tự miệng người nào. Có người giải thích rằng thuỡ xưa cứ hằng ngày nhằm thời khắc hừng đông, ta ngó qua phương trời đông thấy có đám mây đùn lên, coi hình như những đầu người ta nhấp nhô, ấy là hình quĩ phương đông vậy. Tới chừng vài chục năm nay thì không thấy có đám mây ấy nữa, mà con người ta thì khôn lanh ngay từ thuở mới sanh, đó là hồn quĩ phương đông nhập vào lòng trẽ con, má câu phong dao kia là sấm-ngữ triệu ra trước vậy.

Điều đó thuộc về thuyết thần quái, thuở nay tôi chưa hề quan sát và kinh ngiệm, vì vẫn không dám tin, Nhưng cứ lấy lẽ tạo hóa mà suy, thì cái mầu nhiệm sanh ra con nít khôn lanh như ngày nay, đó là do thần cơ của tạo hóa định diễn ra tấn tuồng thế giới cạnh tranh, nên phú cho cái phong khí tinh linh, để đào tạo ra các vai tuồng vậy.

Bẩm thọ khí tinh-linh ấy, thì sanh ra con người trí-tuệ, để đóng làm các vai tuồng. Vì tấn tuồng cạnh tranh nầy phải có đủ vai : Vai quan, là các nhà hào kiệt anh hùng, để xướng-suất cho xả hội tranh cường cạnh thắng, vai lính, là các kẻ nô-nhan tỳ-tất, để phục tùng quân lịnh của vai quan mà cạnh thắng tranh cường ; vai thầy, là các trang thánh-trí hiền-tài, để huấn luyện cho nhơn-quần lấy tư cách tranh năng cạnh xảo ; vai tớ, là các bọn tư-trí tiểu-tuệ để thừa-thọ giáo-lịnh của vai thầy mà cạnh xảo tranh năng. Phản đối với bên triều thì có bên phiên, là những đứa trai gian, gái dâm, ba ngoe, xỏ lá, ăn trộm, án cướp. vô số kẻ đóng vai giặc, để khuấy rối xả-hội nhơn-quần, biến đổi bẩn cái phong-hội phác-giã thuở xưa đi, mà gầy nên tấn náo kịch cạnh tranh ở trên thế-giới.

Số là thần cơ của tạc-hóa thì luôn luôn xây chuyển, cho trỡ nên cái cuộc đời dâu biển, biển dâu, muốn biến đổi dả man qua văn minh, thì phãi có cạnh tranh mới có tấn bộ, có tấn bộ mới bước lên bình đẳng. Mà những nhơn vật để dùng làm tài liệu trong cuộc cạnh tranh ấy, thì thượng lưu có ít, chỉ một phần cầm đầu luyện óc cho bọn hạ lưu mà thôi. Còn hạ lưu thì nhiều, ba bốn phần làm giặc khuấy rối cho nên cuộc cạnh tranh ; lại bốn năm phần làm linh làm trò, phục dịch với quan với thầy, để điều đình giữa cuộc cạnh tranh cho thành cõi đời thái-bình an tịnh.

(Còn nữa)

https://tieulun.hopto.org

ÁI-TÌNH MIÊU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

Cô Lý nói ; « Anh Phúc nầy, anh Trường gạt em, anh nói Bến-Súc xa lắm, 6 giờ đi 10 giờ mới tới, tại vậy nên em biểu phãi đi khuya. Té ra gần quá, có xa đâu. Đường đi có giốc, mà lại có truông, phong cãnh xem thiệt là đẹp. Em vui lắm ».

Phúc gặc đầu đáp : « Vui theo thú trên nầy. Cái vui ấy khác hơn cái vui ở thị thành ; nếu cô biết vui với cái vui nầy thì có lẽ cô ở vườn ô rầy được.»

Cô Lý cười mà hỏi : « Sao anh lại nói như vậy ? Người sanh trưởng ở chợ, thì phãi ở chợ hoài, không thế ở vườn được hay sao ? »

Phúc ngó vợ chồng Trường mà cười rồi mới đáp : « Người quen thú chợ thì họ không ưa thú vườn. Tôi tưởng cô cũng như họ vậy chớ ? »

Cô Mỹ rước mà trả lời : « Chị Lý lẳng mạng nên tuy ở chợ mà chỉ ưa thú vườn, chớ không phải như họ vậy đâu. »

Phúc vui vẻ mời khách vô nhà. Lúc bước lên thềm, cô Lý ngó qua phía tay mặt, thấy có một cây sầu-riêng đơm trái lòng thòng thì cô la lớn : « Ý ! Sầu-riêng kia kìa ! » Trường nói : «Thì sầu-riêng chớ sao. Để vô nhà chào bác rồi sẽ đi coi, cô vội chi lắm vậy. »

Bà giáo đứng sẳn tại cữa giữa chờ tiếp khách. Phúc tiến dẫn hai cô cho mẹ biết. Bà giáo vui vẻ nói : « Ông giáo-sư đắt hai cô lên chơi thiệt tôi mừng lắm. Mời ông giáo sư và hai cô vô nhà ». Bà thấy hai cô hình vóc yểu điệu, mặt mày tốt tươi, tướng mạo dể thương, y phục loà-lẹt, thì bà nhìn không nháy mắt, nhứt là thấy cô Lý vừa có sắc vừa có duyên, lại tai đeo hai hột xoàn trưu-trứu, chói mặt có sáng rở, thì bà mê mẫn muốn ngó cô hoài !

Chủ khách ngồi yên thì cô Mỹ nói với bà giáo :

— Hôm trước anh Trường lên trên nầy thăm bác, cháu mắc

https://tieulun.hopto.org

có việc nên đi với ảnh không được, cháu tiếc hết sức. Bữa nay cháu theo ảnh lên chơi đặng biết bác. Ở trên nầy thanh tịnh mát mẻ quá.

— Phải. Ở trên nầy mát lắm. Thằng Phúc tôi về hồm nay nó cứ khen cô giáo-sư vui vẻ tử-tế, thiệt nó khen không lầm. Cô giáo sư năm nay được bao nhiêu tuổi ?

— Dạ, cháu được 21 tuổi.

— Còn cô đây ?

— Chị Lý cũng một tuổi với cháu.

Bà giáo ngó hai cô rồi cười mà nói : « Hai cô lên nhà tôi chơi thiệt tôi mừng lắm.»

Cô Lý nói : « Anh Trường đi lên trên nầy rồi về cứ khoe vườn của anh Phúc. Hôm đi Đàlạt về, hai chị em cháu xin ảnh dắt giùm lên trước thăm bác với anh Phúc, sau coi vườn chơi, mà ảnh không chịu dắt đi, đợi tới anh Phúc xuống mới ảnh mới chịu đi đây ».

Ba giáo đáp ; « Hai cô lên bửa nay thì biết đường rồi. Vậy từ nầy về sau nếu hai cô có buồn, muốn lên vườn chơi, mà ông giáo sư mắc việc đi không được, thì hai cô đi với nhau. Có xe nhà, đi trên một giờ thì tới, có xa đâu ».

Cô Mỹ nói : « Thưa, phải. Đường không xa. Từ rày hễ buồn thì hai cháu đi, khỏi cậy anh Trường dắt nữa ».

Cô Lý nói : « Trời còn mát, để xin phép bác đặng anh Phúc dắt đi coi vườn chơi ».

Bà giáo nói : « Được, được. Mà để tôi biểu bày trễ làm ca-phê uống lót lòng sơ sịa rồi sẽ đi chơi ».

Trường và hai cô lật đật cản, nói đã lót lòng hồi khuya rồi mới đi, nên không đói. Bà giáo mới biểu con dắt khách đi dạo vườn chơi. Phúc dắt hai cô ra sân, Trường cởi áo măng trong nhà rồi theo sau.

Cô Lý phăn phăn đi lại cây sầu riêng cô thấy hồi nảy rồi đưa tay lên mà đếm trái. Đếm rồi cô nói : « Có 16 trái thiệt lớn, không kể trái nhỏ. Có trái nào ăn được hay không, anh Phúc ? »

Phúc gặc đầu đáp : « Có vài trái ăn được. Để chút nữa ăn cơm rồi tôi sẻ hái cho cô ăn mà uống cà-phê ».

Cô Lý liếc mắt ngó Phúc rất hữu duyên và hỏi :

— Anh để dành đợi em lên đặng anh đãi em đó hả ?

— Phải. Tôi để dành cho cô với chị Trường đó.

— Coà mấy cây kia sao không thấy trái ?

— Trái chín sớm, đả hái hết rồi.

— Vườn anh hết thảy được mấy cây sầu-riêng ?

https://tieulun.hopto.org

— Nội phía trước nầy được 20 cây.

— Co trái anh để ăn hết hay la có bán ?

— Ăn sao cho hết. Họ mna tôi phãi bán bớt chớ.

— Nếu em được làm chũ vườn sầu-riêng thì em để dành em ăn, chớ em không bán.

Trường cười mà nói :

— Nếu cô muốn lam chủ vườn sầu-riêng thì cô năn nĩ xin Phúc để lại cho, rồi chừng cây có trái mặc sức mà ăn.

— Sợ anh Phúc không chịu để chớ. Nếu ảnh chịu để lại cho em, thi em xin phép ba em mà mua liền. Em là con sâu sầu-riêng mà !

Cô Mỷ thấy dựa mương có một đám cải sa-lách với một đám rau thơm, lá lớn đai mà non nhớt, thì kêu cô Lý mà trầm trồ.

Cô Lý thấy dọc theo mé lộ có một giồng mía tây, cây suôn đuột lại vàng tươi, thì kêu cô Mỷ mà chỉ rồi tỏ ý muốn ăn thữ.

Phúc kêu thằng Biện mà nói nhỏ, biểu nó đốn vài cây mia thiệt ngon rồi đem vô nhà róc võ cho sạch đặng hai cô dùng.

Trường đã có đi xem vườn một lần rồi, nên bữa nay thấy nữa, tuy trong lòng củng vui, song mắt xem không lạ. Cô Mỷ với cô Lý mới được thấy lần thứ nhứt, thấy mương đào thẳng rẳng chứa nước trong veo, thấy cây trồng ngay hàng sum sê nhánh lá, thì trong lòng khắp khởi cử trầm trồ với nhau hoài.

Trường nói : « Phia trước nầy chưa có chi lắm mà khen. Ra phía sau rồi thấy cảnh u nhàn, nghe tiếng đờn suối, nghe giọng hát ve, kia mới khoái lạc. Phúc, dắt ra phía sau chơi, toa. Mõa thích phía sau hơn. Bửa nay mỏa có đem con dao nhỏ theo đây.»

Cô Mỷ hỏi chồng :

— Đem dao theo chi vậy ?

— Có chổ dùng. Để lát nữa rồi em sẽ biết.

— Bi mật quá ! Đi, đi riết ra phía sau coi.

Mấy người dắt nhau đi vòng theo chái nhà mà đi ra phía sau. Cô Lý thấy dài theo chái nhà có một hàng đu đủ, cây nào củng có trái đầy cỗ, lại có ba bốn trái chín vàng khè, thì kêu Phúc mà hỏi :

— Anh Phúc, đu đủ chín nhiều qua, sao anh không hái, để chim ăn, boặc rụng dập còn gì ?

— Đu đủ đó tôi cũng để dành cho hai cô.

— Vậy hả ? . . Cám ơn. *(Còn nữa)*

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de Reims — Saigon —

L'Administrateur Gérant ;
— HỒ VĂN KỲ-TRÂN —

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org